

Số: 36/2021/QĐST-DS

Cái Bè, ngày 14 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 177/2021/TLST-DS ngày 16/4/2021,

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

➤ **Nguyên đơn:** Bà **ĐOÀN THỊ B**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: ấp Mỹ T, xã Thiện T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

➤ **Bị đơn:** Chị **HUỲNH THỊ MỸ H**, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp Mỹ Thị A, xã Mỹ T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Huỳnh Thị Mỹ H thống nhất chịu trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị B số tiền vay tổng cộng là 50.000.000 đồng. Trả qua các lần cụ thể như sau:

- + Lần 1: Vào ngày 01/7/2021 trả 5.000.000 đồng.
- + Lần 2: Vào ngày 01/8/2021 trả 5.000.000 đồng.
- + Lần 3: Vào ngày 01/9/2021 trả 5.000.000 đồng.
- + Lần 4: Vào ngày 01/10/2021 trả 5.000.000 đồng.
- + Lần 5: Vào ngày 01/11/2021 trả 5.000.000 đồng.
- + Lần 6: Vào ngày 01/12/2021 trả 5.000.000 đồng.
- + Lần 7: Vào ngày 01/01/2022 trả 5.000.000 đồng.
- + Lần 8: Vào ngày 01/02/2022 trả 5.000.000 đồng.
- + Lần 9: Vào ngày 01/3/2022 trả 5.000.000 đồng.
- + Lần 10: Vào ngày 01/4/2022 trả 5.000.000 đồng.

Nếu ngày trả tiền trùng vào các ngày nghỉ, lễ, Tết theo qui định thì thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

Nếu chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ lần nào trong các kỳ trả nợ nêu trên thì bà B được quyền làm đơn yêu cầu thi hành án một lần toàn bộ số tiền mà chị H còn nợ lại

Kể từ khi bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H chậm thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí:

+ Bà B chịu 625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi nên căn cứ theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội thì bà B được miễn án phí dân sự sơ thẩm phải nộp.

+ Chị H chịu 625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mẫu số 38-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP
ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)
TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số:...../...../QĐST-.....⁽²⁾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
....., ngày..... tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH **CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày.....tháng.....năm về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:.../.../TLST-.....⁽³⁾ ngày... tháng... năm.....

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:⁽⁴⁾

.....
.....

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾

.....
.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).